TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **13**/2018/DS-ST
Ngày: 20-4-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Để

2. Bà Trương Thị Như Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "hợp đồng dân sự góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông **Trương Hoàng C**, sinh năm 1979 (có mặt);

- Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 7 X, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

Ông Trương Hoàng C, trú tại: ấp 7 X, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Võ Thị T (Văn bản uỷ quyền ngày 12 tháng 4 năm 2018) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Huỳnh Phương C1**, cư trú: ấp 10 H, xã ĐH1, huyện AM, tỉnh Kiên Giang, Luật sư - Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước (có mặt).

2. Bị đơn:

- Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1953 (vắng mặt);

- Bà **Đinh Thị B1**, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 7 X, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-8-2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/9/2017 nguyên đơn Trương Hoàng C, Võ Thị T trình bày:*

Vào ngày 10/02/2015 âm lịch ông, bà có tham gia góp dây hụi 500.000 đồng, hụi có 43 phần, mỗi tháng mở 02 lần, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 250.000 đồng), ông, bà tham gia 01 phần, góp hụi sống đến khi mãn hụi nên lĩnh được số tiền là 21.000.000 đồng, trừ cò 250.000 đồng nên còn lại 20.750.000 đồng, nhưng ông B, bà B1 không giao cho ông bà đồng nào mặc dù ông, bà có đòi nhiều lần thì bà B1 hẹn mỗi tháng trả 200.000 đồng đến khi nào đủ 20.750.000 đồng còn nợ nhưng ông, bà không đồng ý.

Sau đó ông, bà có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết thì bà B1 vẫn thừa nhận còn thiếu ông, bà 20.750.000 đồng, nhưng vẫn hẹn mỗi tháng trả 200.000 đồng.

Nay yêu cầu giải quyết buộc ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị B1 trả số tiền hụi chết còn thiếu là 20.750.000đ (Hai mươi triệu B1 trăm năm mươi nghìn đồng), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2017 ông Nguyễn Văn B là bị đơn có ý kiến:*

Ông Nguyễn Văn B thừa nhận vợ ông là bà Đinh Thị B1 có làm chủ hụi, quá trình tham gia góp hụi ông có trực tiếp tham gia cùng bà B1 đi gom hụi và xác định hiện vợ chồng còn thiếu nguyên đơn ông Trương Hoàng C, bà Võ Thị T số tiền hụi chết là 20.750.000đ (Hai mươi triệu B1 trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng hiện không có khả năng một lần nên xin hẹn mỗi tháng trả 500.000 đồng đến khi nào đủ 20.750.000 đồng còn nợ.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại tờ tường trình đề ngày 13 tháng 11 năm 2017 bà Đinh Thị B1 là bị đơn có ý kiến:*

Thừa nhận hiện còn thiếu nguyên đơn ông Trương Hoàng C, bà Võ Thị T số tiền hụi chết là 20.750.000đ (Hai mươi triệu B1 trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng hiện không có khả năng một lần nên xin hẹn trả dần.

**** Tại phiên tòa*:**

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Trương Hoàng C, Võ Thị T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn Nguyễn Văn B, Đinh Thị B1 phải trả cho nguyên đơn số tiền hụi chết còn thiếu là 20.750.000 đồng.

- Nguyên đơn ông Trương Hoàng C, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị T đồng ý theo ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đã trình bày trên, không bổ sung gì thêm.

- Bị đơn bà Đinh Thị B1 có ý kiến: Xác định vào ngày 10/02/2015 âm lịch bà và ông Nguyễn Văn B có làm chủ dây hụi 500.000 đồng, hụi có 43 phần, mỗi tháng mở 02 lần, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 250.000 đồng), ông C, bà T tham gia 01 phần, góp hụi sống đến khi mãn hụi nên lĩnh được số tiền là 21.000.000 đồng, trừ cò 250.000 đồng nên còn lại 20.750.000 đồng, nhưng bà và ông B chưa giao cho ông C, bà T đồng nào. Nay thừa nhận vợ chồng còn nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn ông C, bà T số tiền hụi còn thiếu là 20.750.000 đồng, nhưng hẹn thời gian, số lượng và phương thức trả như sau: Mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả từ ngày 10/4/2018 âm lịch đến khi nào đủ 20.750.000 đồng còn nợ, còn về án phí không đồng ý chịu đồng nào.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ.

- Nguyên đơn ông Trương Hoàng C, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị T đồng ý với số lượng tiền, thời gian và phương thức trả nợ của bị đơn bà Đinh Thị B1 nêu trên, nhưng về án phí có ý kiến mỗi người chịu 1/2.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn Trương Hoàng C, Võ Thị T trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn Nguyễn Văn B, Đinh Thị B1 trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến sau thời điểm mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn Đinh Thị B1 từ thời điểm Hội đồng xét xử mở phiên tòa đến khi nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn Nguyễn Văn B từ thời điểm Hội đồng xét xử mở phiên tòa đến khi nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hoàng C, bà Võ Thị T buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị B1 phải trả cho ông C, bà T số tiền hụi chết còn nợ là 20.750.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị B1 biết và quy đinh thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi"* của nguyên đơn Trương Hoàng C, Võ Thị T. Nhưng chỉ bị đơn bà B1 có ý kiến trình bày bằng

văn bản, còn ông B không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông B, bà B1, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn ông B, bà B1 vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 12/4/2018, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn Nguyễn Văn B vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa lần thứ hai.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng bị đơn Nguyễn Văn B vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai nguyên đơn Trương Hoàng C, Võ Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Phương C1, bị đơn Đinh Thị B1 không yêu cầu hoãn phiên tòa nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, xác định được giữa ông Trương Hoàng C, bà Võ Thị T với ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị B1 có xác lập hợp đồng dân sự góp hụi với nhau, cụ thể: Ngày 10/02/2015 âm lịch, ông B, bà B1 làm chủ dây hụi 500.000 đồng, hụi có 43 phần, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 10 và 25, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 250.000 đồng), ông C, bà T tham gia 01 phần và đã góp hụi sống đến khi mãn hụi được số tiền 21.000.000 đồng, trừ cò 250.000 đồng nên bị đơn ông B, bà B1 còn nợ nguyên đơn ông C, bà T số tiền 20.750.000 đồng là đúng với yêu cầu của nguyên đơn ông C, bà T nêu ra và cũng phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được tại bút lục số 37.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông C cũng đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà T với bị đơn bà B1 cùng thống nhất xác định và thỏa thuận: Hiện bị đơn ông B, bà B1 còn nợ nguyên đơn ông C, bà T số tiền hụi tính theo hụi có lãi và đã trừ tiền hoa hồng còn lại là 20.750.000 đồng, mỗi tháng vào ngày 10 trả 1.000.000 đồng, lần đầu tiên trả bắt đầu từ ngày 10/4/2018 âm lịch đến khi nào đủ số tiền còn nợ.

Tuy nhiên, giữa nguyên đơn ông C cũng đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà T với bị đơn bà B1 không thỏa thuận được với nhau về án phí nên HĐXX không thể ghi nhận, mà quyết định trách nhiệm của ông B, bà B1 phải trả nợ cho ông C, bà T theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, nay ông B, bà B1 phải có trách nhiệm trả cho ông C, bà T số tiền hụi còn thiếu là 20.750.000đ *(Hai mươi triệu B1 trăm năm mươi nghìn đồng)*, vì đây là nghĩa vụ của chủ hụi đối với thành viên góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 22, 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Bị đơn ông B, bà B1 phải chịu **1.037.500** đồng (20.750.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 22, 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị B1 phải trả cho ông Trương Hoàng C, bà Võ Thị T **20.750.000đ** *(Hai mươi triệu B1 trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền hụi còn thiếu.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trương Hoàng C, bà Võ Thị T, nếu ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị B1 không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho ông Trương Hoàng C, bà Võ Thị T thì hàng tháng ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị B1 còn phải trả tiền lãi cho ông Trương Hoàng C, bà Võ Thị T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Đinh Thị B1 phải chịu **1.037.500** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Trương Hoàng C, bà Võ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; do ông Trương Hoàng C, bà Võ Thị T thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên trước khi thụ lý được xem xét chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/4/2018); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đ/s;
- VKS huyện, tỉnh;
- Toà án tỉnh KG;
- THADS huyện An Minh;
- Lưu HS, VP.

Phạm Thị Mỹ Linh